TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-PT
Ngày: 08-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp
Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 07/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T, Phạm Hồng T; Do có kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thành V** (Tên gọi khác: Bin), sinh ngày: 03/7/2003, tại tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú: khu phố 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 2000, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Tiền án; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Đến ngày 27 tháng 5 năm 2022 bị bắt tạm giam theo Quyết định của Tòa án nhân dân thị xã P cho đến nay.

2. Họ và tên: **Chu Văn T1**, sinh ngày: 05/02/2003, tại tỉnh Bình Phước; HKTT: Thôn 19/5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú: khu phố 4, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; con ông Chu Văn T, sinh năm 1966 và bà Vũ Thị P, sinh năm 1968; Bị cáo có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 1988, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Đến ngày 26 tháng 5 năm 2022 bị bắt tạm giam theo quyết định bắt tạm giam của Tòa án nhân dân thị xã P cho đến nay.

3. Họ và tên: **Phạm Hồng T** (Tên gọi khác: Bờm), sinh ngày 16/11/2003, tại tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú: khu phố 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1975; Bị cáo có 02 chị em, lớn nhất sinh năm 2000, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Tiền án; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Đến ngày 26 tháng 5 năm 2022 bị bắt tạm giam theo Quyết định Tòa án nhân dân thị xã P cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thành V và Chu Văn T: Ông Nguyễn Ghi K – Trợ giúp viên pháp lý. Có mặt.

Địa chỉ: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước, đường H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Hồng T: Bà Trần Thị L – Trợ giúp viên pháp lý. Có mặt.

Địa chỉ: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước, đường H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Thời Đ, sinh năm 1970 và bà Lê Thị Minh C, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Bà C uỷ quyền cho ông Đ tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền ngày 07/01/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nguyễn Minh Đ, Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Có mặt.
- Ông Phạm Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Có mặt.
- Bà Vũ Thị P, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Có mặt.
- Anh Lê Chí K, sinh năm 2005; địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phan Văn T3, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn N, xã G, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.
- Anh Lữ Văn T, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Nhật V, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Gia H, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn H, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thời D và Hồ Minh L là bạn học cùng trường THPT thị xã P. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 12/11/2020, sau khi tan học D chở L đi từ cổng sau nhà trường ra đường để về thì gặp nhóm của Nguyễn Thành V, Phạm Hồng T và Chu Văn T1. Tại đây, D và V xảy ra mâu thuẫn vì V cho rằng D nhìn đểu mình. Lúc này, V kêu D đi đến khu vực bên hông Tòa án nhân dân thị xã P (cách cổng trường 100m) để nói chuyện thì D đồng ý. Cùng lúc này có Lữ Văn T2, ở khu phố 1, phường L, thị xã P đang đứng ở đây nên L liền rủ T2 đi cùng vì T2 có quen biết với nhóm của V. Khi nhóm của V, T, T1 chở ba trên xe mô tô Sirius màu trắng BS: 93P1 - 4271 do V điều khiển đến bên hông Tòa án nhân dân thị xã P thì D chở theo L và T2 bằng xe mô tô Sirius màu vàng, biển số: 93P1 - 4054 cũng vừa đến và dừng xe phía sau xe V cách nhau khoảng 01 mét, cả hai xe đều dựng bên trái đường S thuộc khu phố 4, phường L (hướng TAND thị xã P đi Chi cục thi hành án P). V xuống xe đi lại phía trước bên trái của xe mô tô mà D điều khiển (D vẫn đang ngồi trên xe) rồi dùng tay phải đấm một cái vào vùng mặt bên trái của D làm xe của D bị nghiêng qua phải, D dựng xe lên, rồi dựng chân chống xuống đứng cạnh bên phải xe và tháo nón bảo hiểm ra, khi thấy D bị đánh, L liền lao vào đánh trúng vào vai của V thì T và T1 lao vào đánh L giải cứu cho V. V tiếp tục lao vào và nắm cổ áo của D tiếp tục đấm, T1 quay sang đứng trước mặt D rồi đấm nhiều phát vào mặt và ngực của D, còn T đuổi đánh L qua bên kia đường sát bên hàng rào nhà dân. D bị V và T1 đánh nên ngồi xổm xuống, hai tay chống trên mặt đường, V tiếp tục dùng chân đá trúng vào bên hông D, T1 thì đá trúng vào bụng của D làm D té nằm nghiêng về bên trái, ngay phía sau lưng D đang nằm là xe mô tô Yamaha Sirius biển số: 93P1 – 4054 đang dựng cùng chiều, T1 tiếp tục dùng chân phải đá một cái trúng vào mặt của D, còn D dùng hai tay che mặt lại, do lực đá của T1 mạnh nên làm đầu của D đập vào phần trục và bộ phận phanh xe của trục trước bánh xe, V tiếp tục đạp 01 cái trúng vào hông phải của D, D ôm đầu nằm dưới đường. Sau đó, Phan Văn T3 ở thôn N, xã G, thị xã P cùng T2 chạy lại can ngăn thì V, T và T1 lên xe bỏ đi. Sau đó, T3 điều khiển xe mô tô chở L còn D điều khiển xe chở T2 đi về quán cà phê "Monkey" thuộc khu phố 5, phường L, thị xã P (cách hiện trường khoảng 500m) khi đi được khoảng 200m thì D nói bị choáng nên D đổi cho T2 lên điều khiển xe, khi đến quán cà phê "MonKey" một lúc thì T2 và D gặp T3. Lúc này, T2 vào quán lấy xe đi về, còn Dvà T3 mỗi người điều khiển một xe mô tô chạy xuống quán cà phê "ĐT 741" thuộc khu phố 3, phường M, thị xã P ngồi uống nước cùng với L. Ngồi tại quán khoảng 20 phút thì em gái của D tên Nguyễn Thị Nhật V ở thôn Đ, xã T, huyện P tới quán ngồi cùng. Khoảng 10 phút sau, D điều khiển xe Yamaha Sirius biển số: 93P1 – 4054 chở V đi về nhà tại thôn Đ, xã T, huyện P. Trên đường đi đến ngã 3, thôn L, xã P thì D nói với V "anh hết thấy đường rồi" nên kêu V lên điều khiển xe. Khi về đến nhà, D kêu chóng mặt và nôn ói liên tục nên gia đình đưa D lên Trung tâm y tế thị xã P cấp cứu, tại đây bác sỹ yêu cầu chuyển về Bệnh viện đa

khoa tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, khi đến nơi thì D được chuẩn đoán chết não nên gia đình đưa về nhà bà nội của D thuộc khu phố V, phường B, thị xã P. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày D tử vong. Khi biết D tử vong, V, T và T1 đã bỏ trốn. Đến ngày 14/11/2020, V, T1, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 313/2020/GĐPY ngày 18/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

"Nguyễn Thời D bị chấn thương sọ não gây vỡ xương sọ, xuất huyết nội sọ, giập não dẫn đến tử vong".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1, Phạm Hồng T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 38, 54, 91, 98, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/5/2022. Được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021.

Xử phạt bị cáo Chu Văn T1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2022. Được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2022. Được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự;

Buộc bà Vũ Thị P (mẹ của bị cáo Chu Văn T1) có trách nhiệm bồi thường cho đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Thời Đ số tiền 125.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị L (mẹ của bị cáo Nguyễn Thành V) có trách nhiệm bồi thường cho đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Thời Đ số tiền 125.000.000 đồng.

Buộc ông Phạm Văn N (cha của bị cáo Phạm Hồng T) có trách nhiệm bồi thường cho đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Thời Đ số tiền 74.000.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Thời Đ liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P nhận số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Cùng ngày 20 tháng 10 năm 2022, các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1, Phạm Hồng T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/10/2022, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng thay đổi tội danh, xét xử các bị cáo về tội "Giết người", tăng mức hình phạt đối với các bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại do các bị cáo đã gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về việc thay đổi tội danh từ tội "Cố ý gây thương tích" sang tội "Giết người"; không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Phạm Hồng T và phần bồi thường thiệt hại; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Hồng T và phần trách nhiệm dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1; sửa bản án sơ thẩm theo hướng xử phạt các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1 mức án từ 5 năm đến 6 năm tù;

- Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1:

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế. Trước khi mở phiên tòa phiên toà phúc thẩm, gia đình các bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại toàn bộ số tiền còn lại theo như quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo V, T1.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phạm Hồng T:

Hành vi của bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu, chỉ là a dua, hùa theo để giúp đỡ bạn, bị cáo chỉ đánh L, hành vi giúp sức của T không phải là nguyên nhân gây ra cái chết cho bị hại nên hành vi tới đâu, xử lý trách nhiệm hình sự tới đó. Gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền theo quyết định của bản án sơ thẩm, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo có phần hơi nghiêm khắc, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T.

- Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm. Bị cáo T tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu, không phải chủ mưu, khởi xướng, không tích cực tham gia nên cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo T mức án 02 năm tù là phù hợp. Đối với bị cáo V, T1: Bị cáo V là người chủ mưu, bị cáo T1 tham gia tích cực, những vết thương trên người bị hại đều do 02 bị cáo này gây nên, cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo này dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có cơ sở pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với 02 bị cáo này, xử phạt các bị cáo mức án 06 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1, Phạm Hồng T và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ được thực hiện trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ về việc yêu cầu chuyển tội danh, xét xử các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1, Phạm Hồng T về tội "Giết người" theo Điều 123 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng: Vào khoảng 17 giờ ngày 12/11/2020, giữa nhóm của bị cáo V và bị hại D đã xảy ra mâu thuẫn vì V cho rằng D nhìn đểu mình. Sau đó nhóm của V gồm V, T1 và T đã hẹn bị hại ra bên hông trường THPT P để nói chuyện thì bị hại đồng ý. Khi nhóm của bị hại vừa tới điểm hẹn thì bị hại bị V, T1 dùng tay chân đánh vào người nên gục xuống đường ở tư thế ngồi hai tay chống xuống đường. V dùng chân đá vào hông bị hại, T1 dùng chân đá vào bụng bị hại làm cho bị hại ngã xuống đường nằm nghiêng cùng chiều xe mô tô của bị hại, T1 tiếp tục dùng chân phải đá mạnh vào đầu bị hại làm cho đầu bị hại va chạm với trục trước của bánh xe mô tô, V đạp thêm 01 cái trúng hông phải của bị hại. Sau đó nhóm của V lên xe bỏ đi, bị hại đứng dậy lấy xe chở T2 đến quán cà phê cách hiện trường khoảng 500m, khi đi được 200m thì bị hại thấy choáng nên T2 điều khiển xe chở bị hại đến quán cà phê. Ngồi tại quán khoảng 30 phút thì bị hại chở em gái của bị hại tên Nguyễn Thị Nhật V về nhà tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước đi theo đường vòng chân núi B, khi đến ngã ba L thì bị hại nói hết thấy đường nên V điều khiển xe chở bị hại về nhà. Về đến nhà được 01 lúc thì bị hại chóng mặt, nôn ói nên được gia đình đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế thị xã P, sau đó được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước nhưng được chuẩn đoán chết não, đến khoảng 22 giờ 30 phút thì bị hại tử vong.

[2.2] Xét thấy giữa các bị cáo với bị hại không có mâu thuẫn gì sâu sắc, chỉ vì nghĩ bị hại nhìn đểu mình nên các bị cáo chỉ nhất thời muốn đánh để cảnh cáo bị hại, không có mục đích tước đoạt mạng sống của bị hại, các bị cáo không có lý do gì để giết bị hại và các bị cáo cũng chỉ dùng tay, chân để tấn công bị hại. Sau khi được can ngăn thì các bị cáo đã dừng lại và bỏ đi, không tiếp tục đánh bị hại. Khi bị cáo T1 dùng chân đá một cái vào đầu bị hại thì bản thân bị cáo cũng không thể biết trước được đầu của bị hại có thể sẽ bị va đập vào xe mô tô, bị cáo không lường trước được sự nguy hiểm do hành vi của mình gây ra và sau khi bị tấn công thì bị hại cũng không bị chảy máu. Sau khi bị đánh, bị hại điều khiển xe mô tô đến quá cà phê, ngồi tại quán khoảng 30 phút thì bị hại điều khiển xe mô tô chở em gái về nhà, khi đến ngã ba L thì em gái bị hại chở bị hại về đến nhà. Khi về đến nhà được một khoảng thời gian thì phát hiện bị hại nôn ói nên gia đình mới đưa bị hại đi cấp cứu. Từ thời điểm bị các bị cáo đánh đến khi bị hại được gia đình đưa đi cấp cứu là khoảng hơn 02 giờ.

[2.3] Các bị cáo nhận thức rõ việc dùng vũ lực tấn công bị hại, xâm phạm đến sức khỏe của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, muốn cảnh cáo bị hại mà các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau đánh bị hại và gây thương tích cho bị hại nhưng các bị cáo không biết được rằng từ thương tích này

đã dẫn đến bị hại tử vong. Việc bị hại tử vong là ngoài ý muốn của các bị cáo, các bị cáo không hề mong muốn hậu quả này xảy ra. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung "Làm chết người" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu xét xử hành vi của các bị cáo về tội "Giết người" là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1 và Phạm Hồng T xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Như đã nhận định và phân tích nêu trên, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được những hành vi này là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính ngông cuồng, thích thể hiện bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý dùng vũ lực gây thương tích cho bị hại và từ thương tích này dẫn đến bị hại tử vong. Thể hiện các bị cáo có ý thức coi thường pháp luật nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có đủ sức răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3.2] Trong vụ án này, bị cáo V là người gây ra mâu thuẫn và là người đầu tiên đánh bị hại, bị cáo T1 là người gây ra thương tích ở đầu cho bị hại dẫn đến bị hại tử vong, bị cáo T tuy không tham gia đánh bị hại D nhưng tham gia đánh người đi cùng với bị hại là Hồ Minh L, tạo điều kiện cho các bị cáo khác đánh bị hại D nên vai trò của bị cáo V, T1 cao hơn bị cáo T.

[3.3] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, có mức khung hình phạt từ 07 đến 14 năm tù. Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đầu thú, tự nguyện khai báo nội dung vụ việc; sau khi sự việc xảy ra đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại; tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều chưa thành niên; có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ. Tuy nhiên, mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành V và Chu Văn T1 là có phần nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cũng như chưa đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo V, T1.

[3.4] Đối với bị cáo Phạm Hồng T: Bị cáo chỉ tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, bị cáo không trực tiếp đánh bị hại D, không gây thương tích cho bị hại D. Việc Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 02 năm tù là phù hợp nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

Do vậy, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng mức bồi thường thiệt hại:

[4.1] Tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ đề nghị giải quyết việc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật với các khoản gồm: chi phí mai táng, chi phí chữa trị, tổn thất về tinh thần cho 03 người gồm cha, mẹ và anh trai của bị hại. Các bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại về các khoản chi phí mai táng 80.000.000 đồng và chi phí chữa trị là 30.000.000 đồng, đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần thì các bị cáo đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm xác định mức bồi thường là 100 tháng lương với số tiền 3.640.000 đồng/tháng x 100 tháng = 364.000.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại là 474.000.000 đồng.

[4.2] Tại Điều 591 của Bộ luật Dân sự quy định trường hợp các bên không thỏa thuận được mức bồi thường thì mức bồi thường tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Theo quy định của Chính phủ thì mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng. Toà án cấp sơ thẩm xác định mức bồi thường là 100 tháng lương là có căn cứ nhưng việc tính theo mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động là 3.640.000 đồng/tháng x 100 tháng = 364.000.000 đồng là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Mặt khác, tại thời điểm phạm tội, các bị cáo chưa thành niên nhưng cũng đã đủ 17 tuổi (bị cáo V, T1), bị cáo T gần đủ 17 tuổi nhưng Toà án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc cha mẹ của các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại là chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 586 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không kháng cáo về mức bồi thường, nghĩa vụ bồi thường; đồng thời để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng như để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của các bị cáo đối với bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét lại mà chỉ nêu ra để Toà án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Do vậy, yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng mức bồi thường thiệt hại là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 03/01/2023 người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ có văn bản yêu cầu cấp phúc thẩm buộc Cơ quan điều tra Công an thị xã P, tỉnh Bình Phước phải bồi thường cho ông chi phí sửa chữa chiếc xe máy hiệu Sirius màu vàng, biển kiểm soát 93P1-4054 với số tiền 20.000.000 đồng do bị Cơ quan điều tra Công an thị xã P tạm giữ trong quá trình điều tra vụ án nhưng không bảo quản xe, dẫn đến hư hỏng, không hoạt động được.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 330 và 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về tính chất, phạm vi xét xử phúc thẩm thì Toà án cấp phúc thẩm chỉ *"xem xét phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết, có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị"*. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện tại cấp sơ thẩm ông không yêu cầu xem xét giải quyết nội dung này nên yêu cầu này của ông đã vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm, do đó, Toà án cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu này của ông.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần.

[7] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1 và Phạm Hồng T phải chịu theo quy định. Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ không phải chịu.

[8] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ về việc đề nghị chuyển tội danh đối với các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1, Phạm Hồng T sang tội "Giết người"; kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại và kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Phạm Hồng T; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Hồng T;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước về phần tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Hồng T và phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo;

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ về việc đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1;

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1;

3. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1, Phạm Hồng T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 38, 54, 91, 98, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/5/2022. Được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021.

Xử phạt bị cáo Chu Văn T1 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2022. Được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2022. Được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến ngày 09/02/2021.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bà Vũ Thị P (mẹ của bị cáo Chu Văn T1) có trách nhiệm bồi thường cho đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Thời Đ số tiền 125.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị L (mẹ của bị cáo Nguyễn Thành V) có trách nhiệm bồi thường cho đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Thời Đ số tiền 125.000.000 đồng.

Buộc ông Phạm Văn N (cha của bị cáo Phạm Hồng T) có trách nhiệm bồi thường cho đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Thời Đ số tiền 74.000.000 đồng.

Gia đình các bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền 474.000.000 đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thời Đ đã nhận đủ số tiền 324.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng gia đình các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Thời Đ liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước để nhận số tiền 150.000.000 đồng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0003708 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thành V và Chu Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 6.250.000 đồng; bị cáo Phạm Hồng T phải chịu 3.700.000 đồng.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thành V, Chu Văn T1, Phạm Hồng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

6. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Các bị cáo;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- CQĐT - Công an thị xã P;
- Cơ quan THAHS - CA thị xã P;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- Tổ HCTP; Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga